2013/01/09

class : _____ name : _____

/16

Hãy viết chữ **Hiragana** tương ứng vào bảng.

na	pu	wa	ru

nu	me	a	o	su	mu

● ごはん

● ぎゅうにゅう

● すいか

● にく

● みず

● もも

LIVEWORKSHEETS

2013/01/09

LIVEWORKSHEETS